

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-01-2019

V/v ly hôn giữa anh M và chị K

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Chính
2. Ông Nguyễn Đình Thọ

-Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thư là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1074/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn M, sinh năm 1968; cư trú tại: Tổ A, khu vực B, phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị K, sinh năm 1979; Nơi cư trú cuối cùng: Tổ A, khu vực B, phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn anh M có mặt tại phiên tòa. Bị đơn chị K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 - 10 - 2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Văn M trình bày: Anh và chị K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, đến năm 2004 anh và chị K đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 246 ngày 17-12-2004 tại UBND phường N, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ A, khu vực B, phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, hạnh phúc bình thường, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị K thường xuyên về khuya, anh nhắc nhở nhiều lần nhưng chị K không sửa đổi, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 8/2013 chị K bỏ nhà đi

từ đó đến nay không thấy về. Anh và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi cũng như thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có tin tức gì của chị K. Ngày 18-9-2018 Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn có bản án số: 243/2018/QĐDS-ST tuyên bố chị Trần Thị K mất tích. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị K để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên là Trần Nữ Hoàng N, sinh ngày 05-6-1998 và Trần Minh N, sinh ngày 08-3-2001, hiện sức khỏe các con của anh chị bình thường và đang ở với anh. Cháu Trần Nữ Hoàng N đã đủ tuổi thành niên nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết, cháu Trần Minh N chưa đủ tuổi thành niên khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Minh N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị K: Tòa đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết theo qui định pháp luật yêu cầu chị Trần Thị K đến Tòa làm việc nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn M xin ly hôn chị Trần Thị K và được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Minh N, sinh ngày 08-3-2001. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị K, là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo qui định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị K.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn M và chị Trần Thị K là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2013 đến nay chị K đã bỏ nhà đi không thấy về,

không ai liên lạc được với chị K và chị K cũng không liên lạc với ai trong gia đình. Gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi cũng như thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có tin tức gì về chị K. Theo đơn yêu cầu của anh M, ngày 18-9-2018 Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn có bản án số: 243/2018/QĐDS-ST tuyên bố chị Trần Thị K mất tích. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn M là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Anh M và chị K có 02 con chung tên Trần Nữ Hoàng N, sinh ngày 05-6-1998 và Trần Minh N, sinh ngày 08-3-2001, hiện sức khỏe các con của anh chị bình thường. Cháu Trần Nữ Hoàng N đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết, cháu Trần Minh N chưa đủ tuổi thành niên nên khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Minh N và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Lâu nay cháu N ở ở định với anh M và cháu N có nguyện vọng muốn ở với anh M sau khi anh M và chị K ly hôn, do đó yêu cầu nuôi con chung của anh M là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu N, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 buộc anh Trần Văn M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Văn M và chị Trần Thị K.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Minh N, sinh ngày 08-3-2001 cho anh Trần Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Văn M phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000504 ngày 23/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn. Anh M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Trần Thị K vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP.Quy Nhơn;
- Chi cục THA DS, TP.Quy Nhơn;
- UBND phường N, TP.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Kim Anh